TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 9 - 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Khanh.
2. Ông Nguyễn Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham dự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Chị **Nguyễn Thị Diệu P**, sinh năm 1995 (xin vắng)
Địa chỉ: Số C, khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.
(*Nay là số C, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ).*

2. <u>Bị đơn</u>: Anh **Nguyễn Văn Thạch E**, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
(*Nay là ấp M, phường C, tỉnh Vĩnh Long).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai đề cùng ngày 23/5/2025 của nguyên đơn Nguyễn Thị Diệu P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu P và anh Nguyễn Văn Thạch E tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C, thành

phố Cần Thơ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau này thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lời nói thường xuyên xung đột lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mỗi người có cuộc sống riêng nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Thạch E.

Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/4/2013. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Anh T và giao cháu Nguyễn Minh T1 cho anh Thạch E nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai đề cùng ngày 23/5/2025 của Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Minh T1 trình bày:

Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Minh T1 là con ruột của chị Nguyễn Thị Diệu P và anh Nguyễn Văn Thạch E. Việc cha mẹ làm thủ tục ly hôn thì cả hai cháu đều biết nhưng không có ý kiến gì. Trường hợp cha mẹ có ly hôn thì cháu Anh T có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ và cháu Minh T1 có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha. Vì lý do bận học nên xin vắng mặt không tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến hiện nay thì bị đơn cư trú tại ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp M, phường C, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng các đương sự quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu P và anh Nguyễn Văn Thạch E tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường H, thành phố Cần Thơ) được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị P cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mỗi người có cuộc sống riêng nên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch E.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Thạch E, trong đó thể hiện toàn toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị P. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay thì anh Thạch E vẫn chưa có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P và chưa nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Thực tế cho thấy, chị P và anh Thạch E không còn chung sống với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân giữa chị P và anh Thạch E lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo yêu cầu của chị P xin ly hôn với anh Thạch E là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diệu P và anh Nguyễn Văn Thạch E chung sống với nhau có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/4/2011 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/4/2013. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Anh T và giao cháu Minh T1 cho anh Thạch E nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu Anh T có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ là chị P và cháu Minh T1 có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha là anh Thạch E. Hiện tại thì cả 02 cháu đều có cuộc sống ổn định, đảm bảo về việc học hành, về chỗ ở cũng như môi trường sống. Do đó, xét yêu cầu của chị P được tiếp tục nuôi cháu Anh T và giao cháu Minh T1 cho anh Thạch E nuôi dưỡng, còn về cấp dưỡng cho con chưa có yêu cầu giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diệu P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thạch E.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/4/2011 cho chị Nguyễn Thị Diệu P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/4/2013 cho anh Nguyễn Văn Thạch E trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con chưa có yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Diệu P và anh Nguyễn Văn Thạch E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diệu P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu P phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005696 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long).

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Diệu P và anh Nguyễn Văn Thạch E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- UBND phường Hưng Phú, Cần Thơ;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa